

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư” để thực hiện một số dự án, tạo cơ sở để tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2011.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có những phát sinh, vướng mắc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

Thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư
(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg
ngày 09 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định điều kiện, thủ tục và nguyên tắc áp dụng thí điểm đối với một số Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công theo hình thức đối tác công - tư trong các lĩnh vực quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng của Quy chế này gồm Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện Dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công thực hiện thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đầu tư theo hình thức đối tác công - tư là việc nhà nước và Nhà đầu tư cùng phối hợp thực hiện Dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công trên cơ sở Hợp đồng dự án.

2. Dự án là Dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công thực hiện thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

3. Đề xuất dự án là đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Nhà đầu tư về một Dự án thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

4. Phần tham gia của Nhà nước là tổng hợp các hình thức tham gia của Nhà nước bao gồm: Vốn nhà nước, các ưu đãi đầu tư, các chính sách tài chính có liên quan, được tính trong tổng mức đầu tư (tổng vốn đầu tư) của Dự án, nhằm tăng tính khả thi của Dự án. Căn cứ tính chất của từng Dự án, Phần tham gia của Nhà nước có thể gồm một hoặc nhiều hình thức nêu trên. Phần tham gia của Nhà nước không phải là phần góp vốn chủ sở hữu trong Doanh nghiệp dự án, không gắn với quyền được chia lợi nhuận từ nguồn thu của Dự án.

5. Vốn nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, trái phiếu chính phủ, vốn tín dụng

do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các vốn khác có dẫn đến nợ công do Nhà nước quản lý.

6. Danh mục dự án là danh sách các Dự án do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp từ các Đề xuất dự án của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Điều 14 của Quy chế này.

7. Hợp đồng dự án là hợp đồng được ký kết giữa Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư, trong đó, nhà nước nhượng quyền cho Nhà đầu tư được phép đầu tư, khai thác công trình, cung cấp dịch vụ công trong một thời gian nhất định. Căn cứ tính chất của từng Dự án cụ thể, Hợp đồng dự án quy định cam kết về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Nhà đầu tư và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mối quan hệ giữa nhà nước và Nhà đầu tư.

8. Doanh nghiệp dự án là Doanh nghiệp do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật để quản lý và thực hiện Dự án trên cơ sở Giấy chứng nhận đầu tư và Hợp đồng dự án.

9. Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư xây dựng công trình) là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để thiết kế, xây dựng và vận hành, quản lý Công trình kết cấu hạ tầng theo hình thức đối tác công - tư.

Điều 3. Nguyên tắc thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư

1. Bảo đảm mục tiêu thu hút nguồn vốn của khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng để cung cấp dịch vụ công.

2. Vốn của khu vực tư nhân tham gia Dự án (không bao gồm Phần tham gia của Nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy chế này) gồm vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư, các nguồn vốn thương mại trong nước và quốc tế và các nguồn vốn khác được huy động theo nguyên tắc không dẫn đến nợ công.

3. Vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư trong Dự án phải đảm bảo tối thiểu bằng 30% phần vốn của khu vực tư nhân tham gia Dự án. Nhà đầu tư có thể huy động vốn vay thương mại, và các nguồn vốn khác (không có bảo lãnh của Chính phủ) tới mức tối đa bằng 70% phần vốn của khu vực tư nhân tham gia Dự án.

4. Lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án trên cơ sở cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phù hợp với pháp luật Việt Nam, theo tập quán và thông lệ quốc tế.

Điều 4. Lĩnh vực thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư

1. Đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

2. Đường sắt, cầu đường sắt, hầm đường sắt.
3. Giao thông đô thị.
4. Cảng hàng không, cảng biển, cảng sông.
5. Hệ thống cung cấp nước sạch.
6. Nhà máy điện.
7. Y tế (bệnh viện).
8. Môi trường (nhà máy xử lý chất thải).
9. Các Dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Tiêu chí lựa chọn Dự án

Dự án thực hiện thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư phải đáp ứng được một trong các tiêu chí sau:

1. Dự án quan trọng, quy mô lớn, có yêu cầu cấp thiết cho nhu cầu phát triển kinh tế theo Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Dự án có khả năng hoàn trả vốn cho Nhà đầu tư từ nguồn thu hợp lý từ người sử dụng.
3. Dự án có khả năng khai thác được lợi thế về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, vận hành và sử dụng hiệu quả năng lực tài chính của khu vực tư nhân.
4. Các tiêu chí khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Chi phí chuẩn bị đầu tư

1. Chi phí chuẩn bị đầu tư bao gồm chi phí lập và công bố danh mục Dự án, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư và các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan. Chi phí chuẩn bị đầu tư được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác (nếu có).

2. Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện Dự án phải thanh toán cho nhà nước chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là một bên tham gia Hợp đồng dự án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo thỏa thuận với Nhà đầu tư tại Hợp đồng dự án.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập bộ phận chuyên trách hoặc chỉ định cơ quan chuyên môn của mình làm đầu mối để tiến hành các công việc liên quan đến Dự án, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng dự án. Trong mọi trường hợp Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các nghĩa vụ của mình đã cam kết theo Hợp đồng dự án.

Điều 8. Tổ công tác liên ngành

1. Tổ công tác liên ngành do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập để hỗ trợ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xây dựng và triển khai Dự án.

Thành phần của Tổ công tác liên ngành bao gồm đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có liên quan khác. Thành viên Tổ công tác liên ngành có trách nhiệm giúp các Bộ, ngành do mình đại diện tham gia ý kiến về lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành đối với Dự án.

2. Tổ công tác liên ngành có nhiệm vụ:

a) Cử thành viên tham gia tổ chuyên gia đấu thầu lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chuyên gia đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án;

b) Tham gia thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án;

c) Tham gia thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng dự án;

d) Hỗ trợ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Dự án;

đ) Tổng hợp kinh nghiệm từ các Dự án thí điểm để hoàn thiện chính sách về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư, xây dựng năng lực và phát triển nguồn nhân lực cho các ngành và địa phương;

e) Hỗ trợ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định Phần tham gia của Nhà nước trong Dự án;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Quy chế này và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.